

BÁO CÁO

**sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 12/4/2021
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 12/4/2021 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 04-NQ/TU), như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị trực tuyến quán triệt, phổ biến nội dung cơ bản của Nghị quyết số 04-NQ/TU đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc về cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban¹; kịp thời củng cố, kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo². Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế làm việc, kế hoạch công tác và tổ chức được 04 phiên họp. Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, kể từ ngày 10/6/2023, Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc về cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập chấm dứt hoạt động, chuyển giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ đạo thuộc UBND tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 03/3/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa thành các đề án, kế hoạch, ban hành Chỉ thị để chỉ đạo, triển khai thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc; cụ thể hóa bằng các đề án, nghị quyết, kế hoạch chuyển đổi số hằng năm và giai đoạn để triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU³; ban hành và thực hiện các Quy chế về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), như: Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT và sử dụng thư điện tử công vụ; Quy chế thực hiện công tác văn thư điện tử, sử dụng chứng thư số, chữ ký số; Quy chế Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử...

¹ Quyết định số 394-QĐ/TU, ngày 28/12/2021.

² Quyết định số 465-QĐ/TU, ngày 23/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

³ Đến nay, 10/18 huyện, thị xã, thành phố ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.

Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về các nội dung cơ bản của Nghị quyết số 04-NQ/TU và kiến thức liên quan đến chuyển đổi số được tăng cường. Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh và đổi mới hình thức tuyên truyền trên nhiều phương tiện truyền thông về công tác chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam⁴; đồng thời, mở các chuyên trang, chuyên mục, viết tin, bài về các sự kiện, hoạt động, các kết quả đạt được về công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số của tỉnh; tổ chức chuỗi sự kiện nhân Ngày chuyển đổi số quốc gia (10/10)... góp phần lan tỏa, tạo được đồng thuận, hưởng ứng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng cơ chế chính sách; phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số

Để cụ thể hóa Nghị quyết số 04-NQ/TU, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 12/7/2023 sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

Nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số có sự chuyển biến về số lượng và chất lượng; toàn tỉnh hiện có 336 cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về CNTT, chuyển đổi số⁵. 100% xã, phường, thị trấn đã thành lập tổ công nghệ cộng đồng. Công tác đào tạo, tập huấn về kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được chú trọng; gần 21.860 cán bộ, công chức, viên chức và 100% thành viên tổ công nghệ cộng đồng được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn do tỉnh và cấp huyện tổ chức⁶, góp phần ứng dụng thuận tiện trong quá trình xử lý, giải quyết công việc, tạo nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch ở chính quyền các cấp.

3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số

Tính đến tháng 12/2023, toàn tỉnh phát triển được 2.128 trạm BTS; 1.428.322 thuê bao điện thoại; 931.306 thuê bao Internet băng rộng; tỉ lệ thuê bao điện thoại thông minh đạt 76,8%. Đường truyền cáp quang kéo đến 100% cấp xã, 90% cấp thôn; phủ sóng di động 3G, 4G đến 100% cấp xã, 94,8% cấp thôn; 88,9% nhà văn hóa thôn có wifi. Kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% cấp xã.

Hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh được nâng cấp, đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền số, đô thị thông minh theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây. Hệ thống mạng WAN của tỉnh được nâng cấp, mở rộng kết nối đến cấp xã. Hệ thống Hội nghị truyền hình được đầu tư với 16 điểm cầu cấp tỉnh, 18 điểm cầu cấp huyện và 241 điểm cầu cấp xã.

⁴ Đến nay, 10/18 huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.

⁵ Trong đó, lực lượng chuyên trách là 92 người (70 cấp tỉnh, 22 cấp huyện); lực lượng kiêm nhiệm là 244 người (01 cấp tỉnh; 02 cấp huyện, 241 cấp xã).

⁶ Nội dung bồi dưỡng, tập huấn, gồm: Kiến thức về chuyển đổi số; công tác quản lý đầu tư; số hóa trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; ứng dụng CNTT chuyển đổi số phục vụ xây dựng nông thôn mới; bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ lãnh đạo, các cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến cơ sở và phóng viên, báo chí truyền thông; kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối; chuyển đổi số trên nền tảng học trực tuyến onetouch.mic.gov.vn cho lãnh đạo cấp xã...

Duy trì, cập nhật, triển khai áp dụng kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Triển khai thực hiện đề tài Nghiên cứu ứng dụng Chatbot trong Công dịch vụ Hành chính công và Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc, chuyển đổi số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) được duy trì hoạt động ổn định, phục vụ kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; 20 dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức; 37 dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP, kết nối các hệ thống cơ sở dữ liệu của Trung ương, các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh⁷, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tỷ lệ giao dịch thành công 99,8%. Kết nối, tích hợp hệ thống, cho phép đồng bộ số hóa dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân từ Công dịch vụ công của tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu. Tích hợp dịch vụ xác thực (đăng nhập/đăng xuất) với hệ thống định danh và xác thực điện tử, cho phép công dân có thể sử dụng định danh điện tử để đăng nhập trên Công dịch vụ công của tỉnh. Triển khai hạ tầng, kỹ thuật kết nối hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông, phối hợp với Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cung cấp thông tin máy chủ (Dev-Test (Internet): URL, SecretKey; Pro (qua SS): URL. DST code, IP SS, SecretKey), hoàn thành đưa API lên hệ thống Pro.

Việc cài đặt, sử dụng ứng dụng smart, egov Quảng Nam, 1022 Quảng Nam ngày càng tăng; tính đến hết tháng 02/2024, số liệu lượt tải cài đặt Smart Quảng Nam lên đến gần 52.000 lượt; ứng dụng egov Quảng Nam trên 3.000 lượt; từ năm 2022 đến nay, Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh tiếp nhận gần 20.000 lượt thông tin phản ánh, kiến nghị; kết quả, 98,3% thông tin phản ánh, kiến nghị được xử lý; số còn lại được chuyển về các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý.

Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (IOC) được triển khai thực hiện và bổ sung chỉ tiêu khai thác báo cáo ngân sách hàng ngày trên hệ thống báo cáo ngân sách của Bộ Tài chính, thể hiện thành các dashboard trên IOC tỉnh⁸. Triển khai thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh cấp huyện⁹.

4. Xây dựng chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng

Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 04 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, gồm: Hệ thống giám sát an toàn

⁷ Q-office, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, hệ thống IOC tỉnh, smart, egov Quảng Nam.

⁸ Gồm 03 loại: Thu NSNN, thu NSDP, chi ngân sách từ tỉnh đến huyện.

⁹ 07 IOC cấp huyện: Bắc Trà My, Duy Xuyên, Hiệp Đức, Nam Trà My, Đông Giang, Nông Sơn, Đại Lộc được khai trương, đưa vào vận hành chính thức; 06 địa phương: Hội An, Phước Sơn, Núi Thành, Phú Ninh, Thăng Bình, Tiên Phước đang triển khai thử nghiệm.

thông tin (SOC) đối với các hệ thống của tỉnh; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ tấn công, xâm nhập hệ thống mạng trái phép; thường xuyên hướng dẫn, cảnh báo các đơn vị về các lỗ hổng bảo mật và các giải pháp tăng cường đảm bảo an toàn thông tin. Hệ thống giám sát mã độc tập trung (EDR) kết nối chia sẻ dữ liệu mã độc về Cục an toàn thông tin theo quy định. Kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Phối hợp tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng, trang bị kỹ năng xử lý các tình huống bị tấn công mạng, kịp thời đối phó các nguy cơ mất an ninh mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh. 100% hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được xác định cấp độ an toàn thông tin theo mức độ 3; các đơn vị, địa phương tổ chức phê duyệt hồ sơ đối với các hệ thống xác định cấp độ an toàn thông tin theo cấp độ 1, 2 và triển khai giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

Hệ thống quản lý văn bản Q-office tập trung được triển khai đến tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; kết nối trực liên thông văn bản Chính phủ và tích hợp chữ ký số chuyên dùng, phục vụ gửi nhận văn bản điện tử đối với hầu hết các văn bản thông thường. 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã thực hiện ứng dụng chứng thư số, chữ ký số¹⁰, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng trong gửi, nhận thông điệp điện tử, văn bản điện tử và chứng thực điện tử, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, tạo được môi trường làm việc hiện đại, góp phần cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành công việc. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định; cán bộ, công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cấp và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc¹¹.

Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thành hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung; phần mềm cơ bản đáp ứng tiếp nhận, điều phối, xử lý hồ sơ, yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC... Đã cấu hình 1.887 TTHC, khai báo 2.745 quy trình, 205 biểu mẫu; khai báo 56.211 tài khoản người dùng là cán bộ, công chức. Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Cung cấp, công khai 1.305 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; trong đó, có 1.289 dịch vụ công trực tuyến toàn trình phục vụ nhu cầu giải quyết TTHC của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. UBND tỉnh đã phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến, gồm 1.237 dịch vụ công toàn trình và 442 dịch vụ công một phần¹²; có 15/18 sở, 16/18 huyện, 236/241 xã đã triển khai biên lai điện tử. Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 72,4%¹³.

Hoàn thành việc xây dựng hệ thống cơ bản và triển khai thử nghiệm Kho lưu trữ

¹⁰ Cấp gần 4.800 chứng thư số, chữ ký số cho tổ chức và cá nhân.

¹¹ Đã cấp 30.335 tài khoản cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

¹² Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 95,9%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến là 76,55%; tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến là 66%; tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến là 41,78%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến là 22,1%.

¹³ Trong đó, tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh là 65,6%; cấp huyện là 81,8%; cấp xã là 77,2%.

điện tử dùng chung của tỉnh; tổ chức 02 lớp tập huấn hướng dẫn về chức năng của hệ thống lưu trữ điện tử, việc sử dụng Kho lưu trữ dữ liệu, ký số tập trung, chữ ký số cá nhân, tạo lập, chỉnh lý và lưu trữ hồ sơ, bóc tách thông tin kết quả giải quyết TTHC. Triển khai hạ tầng, kỹ thuật kết nối hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông của Bộ Công an¹⁴, hoàn thành đưa API lên hệ thống Pro. Các cơ quan, đơn vị của tỉnh đã triển khai các CSDL chuyên ngành phục vụ công tác với 109 hệ thống thông tin chuyên ngành; trong đó, có 61 CSDL do Trung ương triển khai và 48 hệ thống của tỉnh.

5. Phát triển kinh tế số

Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng các nền tảng số nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp. Tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh, như: Website, sàn thương mại điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán trực tuyến, hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử, hóa đơn điện tử, sử dụng phần mềm kế toán, quản lý nội bộ; đưa sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương lên sàn thương mại điện tử¹⁵...; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế số của tỉnh.

6. Phát triển xã hội số

Tập trung triển khai phủ rộng mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng, tạo môi trường thuận lợi trong công tác chuyển đổi số. Tăng cường phổ cập, khuyến khích người dân sử dụng dữ liệu di động tốc độ cao 4G và sử dụng thiết bị di động thông minh. Hướng dẫn triển khai và bước đầu phát huy hiệu quả hoạt động của 1.200 Tổ công nghệ cộng đồng với trên 6.200 người tham gia. Đa dạng hóa các kênh thông tin giữa chính quyền và Nhân dân thông qua Trang thông tin điện tử xã, đài truyền thanh, mạng xã hội Zalo. Tạo các nhóm Zalo trong xã, thôn, khu dân cư để cung cấp thông tin nhanh chóng đến người dân. Đẩy mạnh triển khai việc thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế, tại các chợ, cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường truyền thông, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các dịch vụ của VNPT, Viettel, Mobile; hướng dẫn tiêu thương triển khai các mô hình chợ 4.0. Chú trọng thúc đẩy phát triển công dân số; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số¹⁶. Một số chỉ tiêu về thanh toán không dùng tiền mặt đạt cao; 173,68% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản

¹⁴ Phối hợp với Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, cung cấp thông tin máy chủ (Dev-Test (Internet): URL, SecretKey; Pro (qua SS): URL, DST code, IP SS, SecretKey).

¹⁵ Kết quả, trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng nền tảng số trong hoạt động quản trị nội bộ, sản xuất, kinh doanh với mức độ khác nhau; 100% doanh nghiệp phát sinh số thuế phải nộp đã thực hiện nộp thuế điện tử; việc quản lý nhân sự, hàng hóa, thu chi kế toán được thực hiện bằng phần mềm; 100% doanh nghiệp đã triển khai sử dụng hóa đơn điện tử; 100% siêu thị, trung tâm thương mại có thiết bị thanh toán POS không dùng tiền mặt; nhiều doanh nghiệp thực hiện đặt hàng hoặc nhận đơn hàng thông qua các ứng dụng thương mại điện tử. Quảng Nam có 24.368 giao dịch trên sàn thương mại điện tử; 5.896 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử; 188.662 hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số.

¹⁶ Tính đến tháng 11/2023, toàn tỉnh đã kích hoạt 732.857 tài khoản định danh điện tử, vượt chỉ tiêu được giao về tạo lập, kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

giao dịch tại ngân hàng¹⁷; 82,66% cơ sở giáo dục¹⁸ và 38,03% cơ sở khám, chữa bệnh¹⁹ ở địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán học phí, dịch vụ y tế không dùng tiền mặt. Đến cuối năm 2023, có 08/17 địa phương triển khai thực hiện thí điểm chi trả trợ cấp qua tài khoản cho đối tượng tại 14 xã, phường, thị trấn. Phần lớn số người ở địa bàn đô thị được chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, chế độ BHXH... thông qua các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt²⁰

7. Các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU

Trong 03 năm qua, chuyển đổi số được ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực y tế²¹; giáo dục²²; nông nghiệp²³; du lịch²⁴; tài nguyên và môi trường²⁵; giao thông vận tải²⁶; chuyển đổi số gắn với xây dựng nông thôn mới; triển khai xã thông minh²⁷...

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Trụ cột kinh tế số, xã hội số chưa được quan tâm triển khai tương xứng với xây dựng chính quyền điện tử.

- Nguồn nhân lực làm công tác chuyển đổi số ở các đơn vị còn thiếu, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm nên khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực, nhất là chuyên gia giỏi về CNTT và chuyển đổi số. Trình độ ứng dụng CNTT, kỹ năng số của người dân, nhất là người dân ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế.

- Việc đầu tư hạ tầng viễn thông ở khu vực miền núi, biên giới, khu vực địa hình khó khăn còn hạn chế; một số thôn chưa được phủ sóng 3G, 4G do phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

¹⁷ Mục tiêu đề ra: 80%.

¹⁸ Mục tiêu đề ra: 90-100%.

¹⁹ Mục tiêu đề ra: 60% trở lên.

²⁰ Lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng đạt 56%; chế độ BHXH một lần đạt 85,66%; trợ cấp thất nghiệp đạt 82,28% (mục tiêu đề ra: 60% trở lên).

²¹ Triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe, phần mềm tiêm chủng quốc gia, tiêm chủng dịch vụ trực tuyến, giám sát và báo cáo bệnh truyền nhiễm, quản lý bệnh tăng huyết áp, chất thải y tế.

²² Triển khai hệ thống quản lý trường học, CSDL ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hệ thống Trung tâm điều hành giáo dục thông minh - IOC Edu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

²³ Triển khai vận hành hiệu quả ứng dụng VRAIN theo dõi thông tin lượng mưa; hệ thống quản lý, giám sát rừng; phần mềm quản lý dữ liệu Thanh tra pháp chế; sử dụng có hiệu quả các hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hỗ trợ hơn 100 sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử...

²⁴ Triển khai phần mềm Quản lý CSDL Di sản, di tích; hệ thống phần mềm Du lịch thông minh có khả năng chia sẻ, dùng chung cho các ứng dụng, dịch vụ du lịch của tỉnh và cả nước.

²⁵ Xây dựng và triển khai một số phần mềm, như: TMV-LIS Hệ thống thông tin đất đai Quảng Nam; Hệ thống thông tin môi trường tỉnh; Hệ thống Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh (iLotusLand); triển khai thử nghiệm phần mềm quản lý giao dịch điện tử hồ sơ đất đai liên thông điện tử với Dịch vụ công tỉnh và cơ quan thuế.

²⁶ Triển khai các phần mềm quản lý hạ tầng giao thông (GIS); Quản lý, kiểm tra và giám sát bảo trì đường bộ (GOVONE) và các phần mềm của Bộ Giao thông vận tải; triển khai thí điểm ứng dụng Hệ thống Thông tin địa lý (GIS) trong công tác công bố, công khai thông tin quy hoạch.

²⁷ Phủ sóng thông tin di động 3G, 4G; đường truyền số liệu chuyên dùng; có điểm phục vụ bưu chính, wifi tại trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế xã. Một số xã trang bị hệ thống đèn năng lượng chiếu sáng các khu vực xung yếu, trọng điểm về giao thông và triển khai hệ thống Camera giám sát an ninh.

- Các tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập và chủ yếu hoạt động trên tinh thần tự nguyện, chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động.

- Chưa xác định được chính xác tỷ trọng kinh tế số trong GRDP và tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực ở tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục quán triệt quan điểm và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU gắn với triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Cập nhật và bám sát tinh thần chỉ đạo của Trung ương để triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng Chính phủ điện tử theo đúng tiến độ; hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, về chính quyền điện tử theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 12/7/2023 sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025.

2. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức tập huấn chuyên sâu về quá trình thực hiện chuyển đổi số, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT. Xây dựng công cụ giám sát, đánh giá việc vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát hiện, nhân rộng những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh. Định hướng, chỉ đạo các cơ quan báo chí, Bản tin, Cổng/Trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh chú trọng nâng cao chất lượng truyền thông về công tác chuyển đổi số. Phát huy hiệu quả hoạt động của tổ công nghệ cộng đồng, người dân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp OCOP... Tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia hằng năm.

3. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách về chuyển đổi số; nhất là tỷ lệ chi tối thiểu và định mức chi cho ứng dụng CNTT, chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách, định mức hỗ trợ hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Hằng năm, xây dựng kế hoạch liên quan về chuyển đổi số và triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, tổ chức Ngày chuyển đổi số quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số. Ban hành các Quy chế về khai thác, vận hành hệ thống thông tin dùng chung, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính quyền số. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số.

4. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, hạ tầng CNTT, đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền số và đô thị thông minh. Rà soát, xóa các vùng lổm

sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động; nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng WAN của tỉnh kết nối đến cấp xã, lắp đặt wifi tại các nhà văn hóa thôn, khối phố. Tăng cường chia sẻ các CSDL đã hoàn thành đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu và an toàn thông tin theo cấp độ. Cập nhật, xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh phiên bản 3.0 bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Xây dựng các bộ CSDL mở, Cổng dịch vụ dữ liệu mở của tỉnh. Nâng cao chất lượng vận hành các CSDL, hệ thống thông tin chuyên ngành. Hoàn thiện Kho lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh. Triển khai ứng dụng nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

5. Triển khai xây dựng các phương án bảo vệ, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin mạng, các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung. Duy trì, mở rộng phạm vi, quy mô trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Triển khai hiệu quả Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025” theo Quyết định số 830/QĐ-TTg, ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Ưu tiên đầu tư phát triển chính quyền số; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, các nhiệm vụ về số hóa kết quả giải quyết TTHC, cập nhật, lưu trữ dữ liệu đầy đủ, đúng quy định trên hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh. Nâng cấp, triển khai đồng bộ, hiệu quả, an toàn hoạt động của các hệ thống: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống thư điện tử; Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo; Cổng dữ liệu mở và Kho dữ liệu dùng chung; Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC), ứng dụng Smart Quảng Nam, Egov Quảng Nam, hệ thống 1022...

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên ngành chuyên đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh; thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp, xây dựng các mô hình về chuyển đổi số theo Đề án 06, các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

7. Chú trọng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Tập trung phát triển doanh nghiệp công nghệ số giai đoạn 2024 - 2026 và 2026 - 2030, định hướng lộ trình phù hợp. Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp; huy động các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia nền tảng số, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số. Hướng dẫn, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế số, thương mại điện tử trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ

gia đình và phủ sóng di động 4G/5G. Phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VneID; dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng thanh toán số và được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản. Tăng cường thực hiện chuyển đổi số trong các trường học, bệnh viện; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục. Thực hiện lồng ghép triển khai chuyển đổi số trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
các cơ quan, ban đảng ở Trung ương,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy; đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên.
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Lê Văn Dũng